TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 7 – 2022
"Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Luyến và ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 25/TB-TA ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ 5, khu phố 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ 5, khu phố 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Ngọc N tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L vào ngày 12/12/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; do anh N không chăm lo làm việc, không quan tâm lo lắng cho gia đình, vợ

con mà thường xuyên đi chơi, đánh bạc; mặc dù chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng nghiêm trọng; hiện nay chị H không còn yêu thương anh N, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị H không muốn tiếp tục chung sống với anh N nên chị H cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh N có 02 người con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 01/10/2018 và Trần Đăng K, sinh ngày 26/5/2021. Chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Hiện nay, chị H làm nghề buôn bán vật liệu xây dựng, công việc và thu nhập ổn định với mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ/tháng, của hàng mở tại nhà nên thời gian chủ động để trông nom, chăm sóc con; với điều kiện hiện tại, chị H đảm bảo nuôi dưỡng 02 người con chung được phát triển bình thường.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Trần Ngọc N không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh N và cũng không tiến hành hòa giải được.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Trích lục kết hôn (Bản sao) số 17/TLKH-BS ngày 21/03/2022; Giấy khai sinh (Bản sao) số 70 ngày 01/03/2022 và Giấy khai sinh số 1519 (Bản có chứng thực) của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương khu phố 2, thị trấn L về việc cư trú của bị đơn anh Trần Ngọc N và tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh N.

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- *Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:* Đại diện viện kiểm sát đề nghị xử cho chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Ngọc N; Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 01/10/2018 và Trần

Đăng K, sinh ngày 26/5/2021 cho đến khi thành niên, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trần Thị Ngọc H thừa nhận tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L vào ngày 12/12/2011; chị H cũng đã cung cấp được Trích lục kết hôn (Bản sao) số 17/TLKH-BS ngày 21/03/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận thể hiện nội dung chị H, anh N đã đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2011, chứng minh việc kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân của chị H, anh N là hợp pháp. Vì vậy, chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; do anh N không chăm

lo làm việc, không quan tâm lo lắng cho gia đình, vợ con mà thường xuyên đi chơi, đánh bạc; hiện nay chị H không còn yêu thương anh N, không muốn tiếp tục chung sống với anh N và cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 05/5/2022 (Bl số 26), địa phương khu phố 2, thị trấn L đã cung cấp thông tin: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hơn nữa trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải nhưng anh Trần Ngọc N vắng mặt không có lý do, cho thấy anh N không có nguyện vọng đoàn tụ. Từ những căn cứ này, có đủ cơ sở để xác định: giữa chị H, anh N đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị H được ly hôn với anh N.

[3.2] Về việc nuôi con:

Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 70 ngày 01/03/2022 và Giấy khai sinh số 1519 (Bản có chứng thực) của Ủy ban nhân thị trấn L mà nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của chị H; có đủ cơ sở xác định chị H, anh N có 02 người con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 01/10/2018 và Trần Đăng K, sinh ngày 26/5/2021.

Căn cứ thông tin mà địa phương khu phố 2, thị trấn L cũng đã cung cấp tại Biên bản xác minh ngày 05/5/2022 (BL số 26) và lời khai phù hợp của chị H; có đủ cơ sở xác định: Chị H hiện nay có nhà ở ổn định; có cửa hàng kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng mở tại nhà, công việc và thu nhập ổn định; có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng 02 người con chung được phát triển bình thường. Ngoài ra, 02 người con chung của chị H, anh N đã ổn định với nơi ở, nề nếp sinh hoạt, môi trường sống, môi trường giáo dục, cuộc sống với nhau hiện tại và đều còn rất nhỏ (cháu Trần Phúc K chưa đủ 04 tuổi, cháu Trần Đăng K chưa đủ 02 tuổi) nên nếu có sự thay đổi về nơi ở, nề nếp sinh hoạt, môi trường sống cũng sẽ ảnh hưởng đến việc phát triển bình thường của 02 người con chung này. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Trần Ngọc N đều vắng mặt không có lý do nên không thể hiện ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của mình đối với việc nuôi con. Vì vậy, yêu cầu của chị H về việc nuôi con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận; xử giao cho chị H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 01/10/2018 và Trần Đăng K, sinh ngày 26/5/2021 cho đến khi thành niên, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

[3.5] Về án phí: Cần căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm trong vụ án, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 01/10/2018 và Trần Đăng K, sinh ngày 26/5/2021 cho đến khi thành niên. Anh Trần Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[2]. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007843 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- UBND thị trấn L (thay TB);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Khánh